TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**
Số: 749/2020/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 27 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 618/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Trần Q, sinh năm 1986;

Địa chỉ: 15/40/15 CX, phường TQ, quận T, Thành phố H.

Bà Đỗ Thị Yến P, sinh năm 1988;

Địa chỉ: 15/40/15 CX, phường TQ, quận T, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Q và bà Đỗ Thị Yến P cùng thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Ông Q và bà P khai nhận có 03 con chung tên Trần Quỳnh A, sinh ngày: 06/10/2014; Trần Diệu A, sinh ngày: 06/10/2014; Trần Minh A, sinh ngày: 11/3/2019. Trường hợp ly hôn, hai bên thỏa thuận bà P trực tiếp nuôi 03 trẻ; Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Q do bà P không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung: Hai bên khai nhận vợ chồng không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Hai bên khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

[5] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí ly hôn là 300.000 đồng do ông Trần Q và bà Đỗ Thị Yến P chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà ông Q và bà P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Q và bà Đỗ Thị Yến P thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân chấm dứt theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 105/2014 ngày 17/11/2014 cấp tại Ủy ban nhân dân xã Cát HA, huyện PC, tỉnh BĐ kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà P trực tiếp nuôi 03 trẻ Trần Quỳnh A, sinh ngày: 06/10/2014; Trần Diệu A, sinh ngày: 06/10/2014; Trần Minh A, sinh ngày: 11/3/2019; Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Q do bà P không yêu cầu.

Trong trường hợp bà P không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, một trong hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà P cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở một trong hai bên trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp ông Q lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Hai bên khai nhận vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Hai bên khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án Lệ phí ly hôn là 300.000 đồng do ông Trần Q và bà Đỗ Thị Yến P chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà ông Q và bà P đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0070762 ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố H. Các bên đương sự đã nộp đủ.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. H;
- VKSND Q. T;
- UBND xã Cát HA, huyện PC, tỉnh BĐ.
- Chi cục THA.DS Q. T;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Huỳnh Ngọc Quyên